

Bản án số: 74/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 20/3/2024

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Thông

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Kha

Ông Đặng Thiên Hùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khôi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang: Bà Nguyễn Thị Việt Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 366/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2025/QĐXX-ST ngày 20/01/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2025/QĐST-HNGĐ ngày 20/02/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Dương Thu P, sinh ngày 18/7/1997 (vắng mặt)

Nơi cư trú: tổ dân phố H, thị trấn K, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Hiện đang lao động tại Đài Loan.

Chị P ủy quyền cho anh Hoàng Văn H, sinh năm 1989; Nơi cư trú: tổ dân phố Y, phường N, thị xã V, tỉnh Bắc Giang giao nhận tài liệu với Tòa án.

2. Bị đơn: Anh Đặng Ngọc L, sinh ngày 28/10/1994 (vắng mặt)

Nơi cư trú: tổ dân phố H, thị trấn K, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Hiện đang lao động tại nước ngoài, không rõ địa chỉ.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ông Đặng Ngọc A, sinh năm 1955 (vắng mặt)

- Bà Bùi Thị C, sinh năm 1960 (vắng mặt)

Nơi cư trú: tổ dân phố H, thị trấn K, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai (Có xác nhận của Văn phòng Kinh tế - Văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc), nguyên đơn chị Dương Thu P trình bày:

Về hôn nhân: Trước khi kết hôn chị, anh L được tự do tìm hiểu rồi đi đến hôn nhân. Khi cưới được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương, có đăng ký kết hôn ngày 23/7/2018 tại Ủy ban nhân dân xã T (nay là thị trấn K), huyện L, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị về nhà anh L làm dâu và chung sống hòa thuận. Do điều kiện kinh tế khó khăn nên năm 2020 chị đi lao động tại Đài Loan. Sau khi sang Đài Loan vợ chồng vẫn hòa thuận nhưng từ tháng 5/2022 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên chị và anh L không còn liên lạc với nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống. Trong thời gian thuận vợ chồng nhiều lần nói chuyện với mong muốn tiếp tục chung sống để chăm sóc con nhưng do bất đồng quan điểm quá lớn nên không có kết quả. Khi hai bên gia đình biết chuyện có gọi điện khuyên bảo vợ chồng về đoàn tụ nhưng chị xác định không còn tình cảm nên không về đoàn tụ được. Kể từ tháng 6/2022 đến nay chị và anh L không ai còn quan tâm đến nhau, ai có cuộc sống riêng của người đó. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đặng Ngọc L.

Qua nói chuyện với con chị được biết anh L cũng đã sang Đài Loan lao động nhưng chị không được thông báo hay bàn bạc gì. Chị có hỏi bố mẹ anh L địa chỉ của anh L tại Đài Loan nhưng gia đình không cho biết.

Về con chung: chị, anh L có 01 con chung là cháu Đặng Ngọc K, sinh ngày 17/12/2018. Hiện nay cháu đang sinh sống cùng anh L và bố mẹ anh L (ông A, bà C). Sau khi ly hôn chị đề nghị giao cháu K cho anh L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nhưng tạm giao cho ông A, bà C chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi anh L về nước sinh sống.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Đặng Ngọc L là bị đơn không có mặt tại địa phương, không gửi văn bản giấy tờ, tài liệu về cho Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Tại biên bản làm việc ngày 06/01/2025 và 17/01/2025, ông Đặng Ngọc A, Bà Bùi Thị C là bố mẹ anh Đặng Ngọc L cho biết.

Về hôn nhân của anh L, chị P ông, bà cho biết: Anh, chị được tự do tìm hiểu rồi đi đến hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới, hỏi theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại xã T (nay là thị trấn K), huyện L, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị P về nhà ông bà làm dâu, vợ chồng chung sống hòa thuận. Do điều kiện kinh tế khó khăn nên năm 2020 chị P đi lao động tại Đài Loan. Sang Đài Loan vợ chồng anh, chị vẫn hòa thuận nhưng đến năm 2022

thấy anh, chị nói vợ chồng mâu thuẫn nên sống ly thân nhau. Năm 2023 anh L cũng đi lao động tại Đài Loan. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống. Khi hai bên gia đình biết chuyện có gọi điện khuyên bảo nhưng không được. Anh, chị có 01 con chung là cháu Đặng Ngọc K, sinh ngày 17/12/2018. Cháu K hiện đang sinh sống cùng ông, bà và anh L.

Ngoài ra ông, bà cho biết: Trước khi đi lao động tại Đài Loan anh L sinh sống cùng gia đình chồng tại tổ dân phố H, thị trấn K, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Từ khi đi lao động đến nay chưa về nước lần nào.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đặng Ngọc A, Bà Bùi Thị C trình bày: Ông, bà đồng ý nuôi dưỡng, chăm sóc cháu K cho anh L cho đến khi anh L về nước sinh sống. Ông, bà xác định việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K là quyền cũng như nghĩa vụ của ông, bà đối với con cháu nên không yêu cầu anh L, chị P phải trích trả công sức chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K từ trước cho đến nay.

Tại phiên tòa, chị Dương Thu P, ông Đặng Ngọc A, Bà Bùi Thị C vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Đặng Ngọc L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt.

Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của chị Dương Thu P; Biên bản làm việc với ông Đặng Ngọc A, Bà Bùi Thị C là bố mẹ của anh Đặng Ngọc L và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không có địa chỉ cụ thể ở nước ngoài, Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với bị đơn. Căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 104, khoản 2 Điều 123 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271; Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu,

miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thu P; xử:

Về hôn nhân: chị Dương Thu P được ly hôn anh Đặng Ngọc L.

Về con chung: Giao cháu Đặng Ngọc K cho anh Đặng Ngọc L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật nhưng tạm giao cho ông A, bà C chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi anh L về nước sinh sống.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung, công nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Chị P phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp: Chị P khởi kiện xin ly hôn anh L và yêu cầu giải quyết nuôi con chung. Vì vậy, đây là vụ án “ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn, bị đơn đều đang lao động tại Đài Loan. Anh L là bị đơn có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Bắc Giang. Vì vậy, đây là vụ án có đương sự ở nước ngoài nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về sự vắng mặt đương sự:

[3.1] Về sự vắng mặt của nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[3.2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Căn cứ lời khai của nguyên đơn và ông Đặng Ngọc A, Bà Bùi Thị C, Tòa án xác định được nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh của anh L ở Việt Nam là: tổ dân phố H, thị trấn K, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Tòa án đã tiến hành giao thông báo thụ lý vụ án cho anh L thông qua gia đình và đề nghị gia đình thông báo cho anh L biết việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý giải quyết vụ án “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” giữa chị Dương Thu P và anh Đặng Ngọc L. Gia đình anh L cho biết anh L vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình, nhưng anh L không cung cấp cho gia đình, Tòa án địa chỉ cụ thể của anh L tại Đài Loan. Nhận thấy, đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Do đó, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cần tổng đạt cho bị đơn và xử vắng mặt bị đơn theo Điều 10 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024

của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. Về hôn nhân: Chị Dương Thu P và anh Đặng Ngọc L kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 23/7/2018 tại Ủy ban nhân dân xã T (nay là thị trấn K), huyện L, tỉnh Bắc Giang. Do đó, đây là hôn nhân hợp pháp cần được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, chị P xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên chị đề nghị Tòa án xử cho anh được ly hôn anh Đặng Ngọc L.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị P, Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn chị P, anh L chung sống hòa thuận. Do điều kiện kinh tế khó khăn nên năm 2020 chị P sang Đài Loan lao động. Sau khi đi lao động được một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân nhau. Năm 2023 anh L cũng sang Đài Loan lao động nhưng vợ chồng không liên lạc, không gặp mặt nhau. Thông qua gia đình anh L cũng cho biết anh và chị P đã ly thân một thời gian dài, không còn quan tâm đến nhau nên anh đồng ý ly hôn với chị P. Do đó, Hội đồng xét xử xác định anh L, chị P không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị P với anh L là phù hợp với tình trạng hôn nhân thực tế, phù hợp Điều 51, Điều 53 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cũng như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[5]. Về nuôi con chung: Chị P và anh L có 01 con chung là cháu cháu Đặng Ngọc K, sinh ngày 17/12/2018. Hiện nay cháu K đang sinh sống cùng anh L và ông A, bà C. Sau ly hôn chị P đề nghị giao giao cháu K cho anh L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nhưng do anh L đang lao động tại nước ngoài nên đề nghị tạm giao cho ông A, bà C chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi anh L về nước sinh sống.

Xét yêu cầu giao cháu K cho anh L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng của chị P, Hội đồng xét xử thấy: anh L, chị P hiện nay đang lao động tại nước ngoài nên không đảm bảo việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Tuy nhiên, bố mẹ anh L là ông A, bà C đồng ý chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K thay anh L cho đến khi anh L về nước sinh sống. Thực tế cháu K hiện nay đang sinh sống cùng ông A, bà C từ khi anh L, chị P đi nước ngoài lao động cho đến nay, cháu phát triển ổn định cả về thể chất lẫn tinh thần. Do đó, Hội đồng xét xử thấy giao cháu K cho anh L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung sau ly hôn nhưng tạm giao cho ông A, bà C chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi anh L về nước sinh sống là phù hợp với tình hình thực tế, phù hợp Điều 81, 82, 83, 104 Luật hôn nhân và gia đình cũng như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

Sau khi ly hôn chị Dương Thu P có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Trường hợp chị Dương Thu P có nguyện vọng thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

[6]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị P, anh L, ông A, bà C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Đối với công sức chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K từ khi anh L, chị P đi lao động nước ngoài cho đến nay: Ông A, bà C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7]. Về tài sản, công nợ: Do chị P, anh L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8]. Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Dương Thu P phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[9]. Về quyền kháng cáo:

Theo Điều 271, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự, chị P, anh L đang lao động tại nước ngoài không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo bản án của Tòa án là 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Theo Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự ông A, bà C vắng mặt tại phiên tòa nhưng có mặt tại Việt Nam thì thời hạn kháng cáo bản án của Tòa án là 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 104, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy

định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Về hôn nhân: Chị Dương Thu P được ly hôn anh Đặng Ngọc L.

2. Về con chung: Giao cháu Đặng Ngọc K, sinh ngày 17/12/2018 cho anh Đặng Ngọc L là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nhưng tạm giao cho ông Đặng Ngọc A, Bà Bùi Thị C chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi anh L về nước sinh sống.

Sau khi ly hôn, chị Dương Thu P, anh Đặng Ngọc L không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Dương Thu P phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000306 ngày 27/12/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Dương Thu P đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo bản án:

Chị Dương Thu P, anh Đặng Ngọc L có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Ông Đặng Ngọc A, Bà Bùi Thị C có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND thị trấn K, huyện L, tỉnh Bắc Giang;
- Công thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trung Thông